

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY ĐỨC  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 9 - 2022

*“V/v Ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC - TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Quang Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đăng Hưng và bà Phan Thị Kim Loan.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Điều Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Thanh Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 59/2022/TLST- HNGĐ ngày 06/4/2022 về việc *“Ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị V, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Anh Đặng Trọng Th, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt không có lý do.

*Người có quyền lợi liên quan:* Cháu Đặng Thị Bảo Ng, sinh ngày 26/8/2012 và cháu Đặng Hà Bảo A, sinh ngày 28/7/2015, địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Ng, A:

- Chị Trần Thị V, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông, là mẹ cháu Ng, A - có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Đặng Trọng Th, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông, là cha cháu Ng, A – vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:*

Ngày 01/6/2011, chị V với anh Đặng Trọng Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng tại ấp 4, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Sau đó, được gia đình cho ở riêng và cư trú tại Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông đến nay.

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh Thảo không quan tâm đến vợ con, không chăm sóc gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Từ năm 2017 đến nay thì vợ chồng sống ly thân, không còn ở chung nhà nữa. Hiện nay, chị V không còn tình cảm với anh Thảo nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Thảo.

Về con chung: Chị V và anh Thảo có 02 con chung là cháu Đặng Thị Bảo Ng, sinh ngày 26/8/2012 và cháu Đặng Hà Bảo A, sinh ngày 28/7/2015, hiện cả hai cháu đang ở và do chị V chăm sóc. Do anh Thảo không chăm sóc và các cháu đang đi học ổn định vì vậy nguyện vọng của chị V là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng. Chị V hiện làm nhân viên trường mầm non, thu nhập từ lương ổn định 6.000.000 đồng/tháng, ngoài ra bố mẹ chị V có cho mượn đất vườn rẫy đã trồng cây ăn trái để làm thêm, thu nhập hàng năm từ vườn rẫy khoảng 120.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung hai vợ chồng không có.

Đối với tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Đối với bị đơn anh Đặng Trọng Th:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Thảo đến trụ sở Tòa án để giải quyết ly hôn với chị V nhưng anh Thảo vắng mặt. Qua xác minh tại Công an xã Q xác định: “*Anh Thảo có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn M, xã Q, chưa chuyển hộ khẩu đi đâu; hiện nay đang có mặt tại địa phương*” nhưng Tòa án và chính quyền địa phương không thể tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Thảo được. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Thảo theo quy định. Tuy nhiên, anh Thảo không có ý kiến và không cũng đến Tòa án theo thông báo, quyết định của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến:

Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị V.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V ly hôn với anh Đặng Trọng Th.

Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Bảo Ng, sinh ngày 26/8/2012 và cháu Đặng Hà Bảo A, sinh ngày 28/7/2015 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Do chị V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002213 ngày 06/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đặng Trọng Th và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; anh Thảo đăng ký thường trú tại Thôn M, xã Q, huyện T đây là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: “*Anh Thảo chưa chuyển hộ khẩu đi đâu; hiện nay đang có mặt tại địa phương*”; Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng không tổng đạt được; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Thảo theo thủ tục chung nhưng anh không hợp tác, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không có ý kiến đối với nội dung vụ án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 16/9/2022 và phiên tòa hôm nay, anh Thảo đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị V với anh Thảo; Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 01/6/2011, chị V với anh Đặng Trọng Th tự nguyện đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Đ (nay là thành phố Đồng Xoài), tỉnh Bình Phước theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Thảo là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân: Chị V cho rằng: Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh Thảo không quan tâm đến vợ con, không chăm sóc gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; từ năm 2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân; chị V không còn tình cảm với anh Thảo. Đối với anh Thảo, khi chị V nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh Thảo cũng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, anh Thảo vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa là thể hiện thái độ không còn mong muốn đoàn tụ. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh Thảo đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị V với anh Thảo là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu Đặng Thị Bảo Ng, sinh ngày 26/8/2012 và cháu Đặng Hà Bảo A, sinh ngày 28/7/2015. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...”*. Do anh Thảo vắng mặt nên không thỏa thuận được với chị V về người trực tiếp nuôi con chung; hiện tại, cháu Ng, A đang sống chung với chị V. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Ng, A cho chị V được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp, anh Thảo có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác. Chị V không yêu cầu anh Thảo cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002213 ngày 06/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị V.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị V ly hôn với anh Đặng Trọng Th.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Bảo Ng, sinh ngày 26/8/2012 và cháu Đặng Hà Bảo A, sinh ngày 28/7/2015 cho chị Trần Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

Anh Đặng Trọng Th có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, anh Thảo có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Trần Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002213 ngày 06/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T, Đ, Bình Phước.
- Lưu, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Phan Quang Trung**